TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 4 - 2024
V/v xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lương Phi Sơn**

2. Ông **Sơn Mứt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ứng Văn Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên toà: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử công Ki sơ thẩm vụ án thụ lý số: 365/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐHPT-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Tuyết K**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp Kinh 5A, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn D**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp Mỹ An, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án,

Nguyên đơn chị Bùi Thị Tuyết K trình bày:

Chị và anh Bùi Văn D do tự quen biết và tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và chứng kiến của hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 176, ngày 24/11/2022.

Trong thời gian chung sống hai anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Gia H, sinh ngày 07/4/2023 hiện tại cháu đang sống với mẹ tại Cà Mau. Thời gian đầu hai anh chị chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn. Do gặp khó khăn về kinh tế nên cả hai thường xuyên cãi vả, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị K và anh D đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Từ đó, chị K nhận thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên chị xin được ly hôn với anh D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Tuyết K và anh Bùi Văn D có 01 con chung là cháu Bùi Gia H, sinh ngày 07/4/2023 hiện đang sống với mẹ, chị K yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, nguyên đơn Bùi Thị Tuyết K có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/12/2023, bị đơn anh Bùi Văn D đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc vắng mặt của các đương sự nêu trên là không vì sự kiện bất khả kháng, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Bùi Thị Tuyết K và anh Bùi Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Bùi Văn D do tự quen biết và tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và chứng kiến của hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 176, ngày 24/11/2022. Thời gian đầu hai anh chị chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, do gặp khó khăn về kinh tế nên cả hai thường xuyên cãi vả, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, nên chị K nhận thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, chị xin được ly hôn với anh D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh D nhiều lần, nhưng anh D vẫn không có ý kiến hay có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện

của của chị Tuyết K, cũng như không có mặt theo triệu tập của Tòa án, nên anh D đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định của pháp luật.

Từ đó cho thấy, hôn nhân giữa chị Tuyết K và anh D đã rơi vào tình trạng trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thêm nữa, anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị Tuyết K được ly hôn với anh Bùi Văn D.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị Tuyết K trình bày giữa hai anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Gia H, sinh ngày 07/4/2023 hiện tại cháu đang sống với chị tại Cà Mau. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Xét yêu cầu này của chị Tuyết K là có căn cứ. Bởi hiện tại cháu Bùi Gia Huy đang dưới 36 tháng tuổi và anh D cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc nuôi con chung.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Bùi Gia H cho Chị Bùi Thị Tuyết K được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Bùi Văn D không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Tuyết K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Thị Tuyết K phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Tuyết K.

Xử cho chị Bùi Thị Tuyết K được ly hôn với anh Bùi Văn D.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Bùi Gia H, sinh ngày 07/4/2023 cho Chị Bùi Thị Tuyết K được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Bùi Văn D không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tuyết K chưa yêu cầu nên anh D chưa phải

cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Bùi Thị Tuyết K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị K đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012346, ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Do đó, chị K đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công Ki sơ thẩm, vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi cục THADS TXBM: 01;
- UBND xã Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự: 02;
- Lưu: 08.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Toàn